

Số: 1699/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 30 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung
xã Minh Tân, huyện Phù Cừ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình;

Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009;

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của UBND tỉnh về việc quy định cơ chế đầu tư và mô hình quản lý công trình nước sạch nông thôn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh về việc điều chuyển vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2012;

Căn cứ Công văn số 352/UBND-KT1 ngày 12/3/2013 của UBND tỉnh về việc chấp thuận nhiệm vụ thiết kế xây dựng hệ thống cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 828/TTr-SKHĐT ngày 21/8/2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Phù Cừ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Hệ thống cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Hưng Yên.

3. Đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Hợp Tiến.

4. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư: Kỹ sư Lê Đại Nam.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng công trình để dần đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

6. Nội dung và quy mô xây dựng

6.1. Nguồn nước và công suất thiết kế

- Nguồn nước cấp: Nguồn nước cấp lấy từ nguồn nước mặt sông Cửu An (thuộc hệ thống sông Bắc Hưng Hải).

- Công suất thiết kế: 910 m³/ngày đêm.

6.2. Dây chuyền công nghệ xử lý nước

Nước thô \Rightarrow Công trình thu (trạm bơm cấp I – tuyến ống nước thô) \Rightarrow Bể lắng đứng \Rightarrow Bể lọc nhanh, bể lọc than hoạt tính \Rightarrow Khử trùng \Rightarrow Bể chứa nước sạch \Rightarrow Trạm bơm cấp II \Rightarrow Mạng đường ống chuyên tải và phân phối.

6.3. Các hạng mục công trình thuộc cụm đầu mối

6.3.1. Trạm bơm cấp I: Chiều cao 8,1 m (thiết kế kiểu nửa chìm, nửa nổi), diện tích sàn xây dựng 18 m². Kết cấu: Tường xây gạch vữa XMC mác 50; nền trạm đồ tấm đan BTCT 250# dày 30 cm; sàn công tác và sàn mái đồ BTCT 200#, trong ngoài nhà quét vôi ve. Lắp đặt mới 02 máy bơm ly tâm, công suất Q = 40 m³/h, H = 20 m.

Nước thô được đưa về trạm bơm cấp I qua ống hút bằng thép D250 dài 20 m có gắn trở bơm, trở bơm được đặt dưới mực nước thấp nhất vào mùa kiệt 0,5 m.

6.3.2. Hệ thống đường ống cấp nước thô: Xây dựng và lắp đặt tuyến ống dẫn nước thô từ bơm cấp I về khu xử lý bằng ống HDPE D160, chiều dài 709 m.

6.3.3. Cụm lắng lọc:

- Bể lắng đứng: Bể lắng đứng có 02 ngăn, kích thước thông thủy mỗi bể AxBxH = (4,7 x 4,7 x 6,7) m, trong bể bố trí ngăn phản ứng xoáy. Giải pháp kỹ thuật: Tường bể bằng BTCT 250# dày 25cm, đáy bể bằng bê tông cốt thép 250# dày 30 cm, móng BTXM mác 100 dày 15 cm (gia cố nền móng bằng đệm cát vàng). Ngăn phản ứng xoáy hình trụ có đường kính là 2,0 m đặt giữa bể lắng.

- Bể lọc nhanh và bể lọc than hoạt tính: Bể lọc nhanh được xây dựng liền khối với bể lắng đứng và được chia làm 4 ngăn, kích thước thông thủy mỗi ngăn AxBxH = (1,5 x 2,1 x 5,7) m; bể lọc than hoạt tính gồm 02 ngăn và được xây

dựng liền khối với bể lắng đứng, kích thước thông thủy mỗi ngăn $A \times B \times H = (1,5 \times 2,1 \times 5,7)$ m. Giải pháp kỹ thuật: Tường bể bằng BTCT 250# dày 20 cm, đáy bể bằng BTCT 250# dày 30 cm, móng BTXM mác 100 dày 15 cm (gia cố nền móng bằng đệm cát vàng).

6.3.4. Bể chứa nước sạch: Xây dựng 01 bể chứa nước sạch (gồm 2 ngăn), kích thước thông thủy mỗi ngăn $A \times B \times H = (5,5 \times 5,5 \times 3,7)$ m, tường bể bằng BTCT 250# dày 20 cm, lấp bể BTCT 250# dày 12 cm, đáy bể bằng BTCT 250# dày 30 cm (gia cố nền móng bằng cọc tre).

6.3.5. Nhà điều hành, nhà trạm bơm cấp II kết hợp kho hoá chất: Chiều cao 02 tầng, diện tích sàn xây dựng 342 m^2 . Kết cấu: Móng bằng BTCT; phần thân nhà sử dụng giải pháp kết cấu khung BTCT 200# kết hợp tường xây chèn gạch vữa XMC mác 75; dầm, sàn, cột BTCT 200# toàn khối đổ tại chỗ. Mái xây thu hồi, gác xà gồ thép U80x40x3, trên lợp tôn chống nóng dày 0,4 mm. Nền, sàn lát gạch Ceramic 400x400; bậc cầu thang, tam cấp trát Granitô; tường trong, ngoài nhà quét vôi ve; cửa đi, cửa sổ panô gỗ kính, gỗ chò chỉ. Lắp đặt 03 máy bơm ly tâm, công suất $Q = 50 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 35 \text{ m}$; 01 máy bơm rửa lọc, công suất $Q = 170 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 11 \text{ m}$; 01 máy bơm định lượng vôi; 01 máy bơm định lượng Javen; 01 mô tơ khuấy và trộn.

6.3.6. Công trình phụ trợ:

- San nền, tường chắn đất, công tường rào, sân đường nội bộ: San nền bằng cát đen san nền đầm chặt đến cao độ thiết kế (theo Chứng chỉ quy hoạch số 01/CCQH-UBND ngày 24/7/2013 của UBND huyện Phù Cừ). Tường chắn đất xây đá hộc vữa XM mác 75; xây dựng tường rào mặt trước dài 42,5 m chèn hoa sắt đặc loại (16 x 16) mm, cao 1,45 m; các mặt còn lại dài 170 m xây gạch vữa XM mác 50, chiều cao 2,2 m, trên đỉnh tường rào lắp dựng hoa sắt đặc loại (16 x 16) mm bảo vệ. Cổng chính kích thước $B \times H = (4,5 \times 2,3)$ m; cổng phụ kích thước $B \times H = (1,5 \times 2,3)$ m, kết cấu bằng thép. Sân đường nội bộ, đường vào BTXM mác 200, dày 100 cm; hệ thống thoát nước ngoài nhà.

- Hệ thống điện: Lắp đặt 01 trạm biến áp công suất 100 kVA.

6.4. Mạng đường ống phân phối nước sạch: Lắp đặt mạng lưới đường ống phân phối nước sạch bằng ống HDPE có đường kính D50 ÷ D160 cụ thể như sau:

- Ống HDPE D160: 709 m;
- Ống HDPE D140: 1.564 m
- Ống HDPE D125: 940 m;
- Ống HDPE D110: 410 m;
- Ống HDPE D90: 11.458 m;
- Ống HDPE D50: 20.662 m;
- Lắp đặt 1.048 cụm đồng hồ cho các hộ sử dụng nước.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo).

7. Vị trí xây dựng: Xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

8. Diện tích sử dụng đất: (khu xử lý): 3.456 m^2 .

9. Phương án giải phóng mặt bằng: Tổ chức thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Hưng Yên.

10. Tổng mức đầu tư: **27.937 triệu đồng**

- Chi phí xây dựng: 19.651 triệu đồng

(Bao gồm cả chi phí mua sắm, lắp đặt hệ thống điện, mạng đường ống cấp nước và cụm đồng hồ).

- Chi phí thiết bị: 556 triệu đồng

- Chi phí QLDA: 332 triệu đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.684 triệu đồng

- Chi phí khác: 240 triệu đồng

- Chi phí GPMB: 935 triệu đồng

- Chi phí dự phòng: 4.539 triệu đồng

11. Nguồn vốn đầu tư:

- 60 % kinh phí cấp phát từ nguồn vốn ODA.

- 30 % kinh phí vay lại từ nguồn vốn ODA.

- 10 % vốn đóng góp của người sử dụng nước.

- Ngân sách xã Minh Tân đầu tư phần kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, điều hành dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2014 - 2016.

Lưu ý: Chủ đầu tư thực hiện một số nội dung như sau:

- Thống nhất với đơn vị quản lý nguồn cấp điện về phương án đấu nối nguồn cấp;

- Kiểm tra lại công nghệ xử lý để đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn nước dùng cho sinh hoạt theo quy định hiện hành;

- Tính toán sử dụng vật liệu không nung cho phù hợp với từng loại kết cấu (Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng).

- Kiểm tra tính toán áp lực và lựa chọn đường kính ống cấp nước nhánh và ống dịch vụ cho phù hợp, đảm bảo yếu tố kinh tế kỹ thuật.

- Tiếp thu một số ý kiến đề nghị tại Văn bản số 330/SXD-KTKT ngày 21/8/2013 của Sở Xây dựng.

- Có trách nhiệm đào tạo, chuyển giao công nghệ cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác công trình.

Điều 2. Chủ đầu tư và các ngành liên quan tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình, tổ đấu thầu lựa chọn nhà thầu xây dựng, quản lý vốn đầu tư xây dựng theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh; quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ;

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phù Cù, Chủ tịch UBND xã Minh Tân, Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Hưng Yên; thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành. / *thuyet*

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, CV XDCB^C;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thơi
Nguyễn Xuân Thơi